

Bản án số:18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/08/2019

Về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Hồng

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hà

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, về “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-ST ngày 08/07/2019, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Luân Thị T, sinh năm 1988

HKTT: Xóm T, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983

HKTT: xóm T, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(có mặt chị T, vắng mặt anh B không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Luân Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn năm 2011, có ĐKKH kết hôn tại UBND xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn chị về gia đình anh B làm dâu, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh B một thời gian thì làm nhà ra ở riêng cho đến nay.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, suy nghĩ, việc làm trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng hơn từ khi anh đi làm xe ôm, đi sớm về muộn, không còn quan tâm đến gia đình, con cái, không có trách nhiệm với vợ con cũng không có kinh tế để cùng chị lo lắng cho gia đình.

Chị đã khuyên bảo nhưng anh Bình không thay đổi, cũng đã nói chuyện với mẹ anh B nhưng không có kết quả, do vậy kinh tế gia đình luôn khó khăn, cuộc sống vất vả, không lo được cho con cái. Mặc dù hiện tại vợ chồng vẫn sống chung cùng một nhà nhưng không hề quan tâm đến nhau.

Hiện nay anh B vẫn ở nhà, thỉnh thoảng có đi làm (làm thợ xây), chỉ đi làm ở gần nhà và đi về hàng ngày. Anh B đã nhận được các giấy báo của Tòa án, nhưng anh nói anh không muốn ly hôn nên không đến Tòa án làm việc.

Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Bình.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu K, sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/9/2018. Chị đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hữu K số tiền 1.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Do anh B không có nhà, mẹ đẻ anh B là bà Phan Thị L đã nhận trực tiếp các văn bản trên và cam đoan sẽ giao tận tay anh B các văn bản trên. Tại các biên bản làm việc bà L xác nhận đã giao tận tay các văn bản, tài liệu cho anh B. Tuy nhiên đến nay anh B vẫn không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/6/2019 giữa Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên và bà Nguyễn Thị T - Trưởng xóm T, xã Trung Thành, được cung cấp như sau: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983 có đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm T, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại vợ chồng anh B và chị T đang sống tại nhà riêng của anh chị.

Anh Nguyễn Văn B và chị Luân Thị T kết hôn năm 2011, sau khi kết hôn chị T chuyển hộ khẩu về xóm T, xã T sinh sống cho đến nay. Chị T làm công nhân, anh B làm nghề tự do, hiện tại anh B vẫn có mặt tại địa phương. Về mâu thuẫn giữa anh chị, chính quyền địa phương cũng không nắm được cụ thể vì anh chị không yêu cầu chính quyền cơ sở xóm hòa giải lần nào. Chính quyền địa phương xác nhận đã phối hợp cùng Tòa án đến gia đình anh B nhiều lần để giao các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh Bình đi làm không có nhà. Bà Phan Thị L là mẹ anh B đã nhận và cam kết giao lại cho anh B, nhưng việc anh

B có đến Tòa án để giải quyết ly hôn với chị T không, chính quyền địa phương không nắm được. Về quan điểm nếu anh B cố tình không có mặt thì đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh B, để đảm bảo quyền lợi cho chị T.

Tại các Biên bản làm việc giữa Tòa án và gia đình anh B, bà Phan Thị L - là mẹ anh B, xác nhận như sau: anh B và chị T kết hôn năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, có được cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương.

Sau khi kết hôn gia đình cho anh chị ở chung khoảng 1 năm thì anh chị làm nhà ra ở riêng. Về mâu thuẫn vợ chồng theo bà vợ chồng chung sống bình thường, tuy nhiên vẫn xảy ra cãi cọ, chị T nói anh B chơi bời và nghiện ma túy trong thời gian làm nghề xe ôm. Nhưng theo bà L thì anh B mới nghiện, do vậy cai được, do không ở cùng nhà nên bà chỉ nghe chị T nói vậy. Chị T làm đơn ly hôn thì tùy anh chị giải quyết, nhưng nếu về ở lại với nhau thì tốt cho các con đỡ khổ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện đúng.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Luân Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: áp dụng điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân gia đình, giao 02 con là Nguyễn Hữu K, sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/9/2018 cho chị T nuôi dưỡng.

Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho 01 con chung là Nguyễn Hữu K, sinh ngày 26/11/2011 với mức 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, kể từ thời điểm tuyên án.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: chị T xác định không có nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Luân Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Luân Thị T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn B. Anh chị đều đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm T, xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện: Chị T có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án. Ngày 24/4/2019, Tòa án đã ra thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và chị T đã sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Tòa án, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Do vậy Tòa án đã tiến hành thụ lý yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh B, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của anh B: tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt không có lý do lần thứ 2. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh B không tham gia tố tụng. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh B theo quy định pháp luật.

[4]. Về nội dung: Chị Luân Thị T và anh Nguyễn Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2011, tại UBND xã T, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4.1]. Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định, chị và anh B chung sống không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, do anh Bình không chịu làm

ăn, lo lắng cho kinh tế gia đình. Sau một thời gian chung sống không có hạnh phúc chị xin được ly hôn.

Anh Nguyễn Văn B mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Sự vắng mặt của anh B thể hiện sự coi thường pháp luật, không tôn trọng hôn nhân của chính mình. Anh B không có mặt do vậy Tòa án không có cơ hội để hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Tại các biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương và gia đình anh Bình thì thấy rằng, hiện nay anh B vẫn ở địa phương, đi làm ăn gần nhà. Về mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm được do anh chị không có đơn trình báo, yêu cầu hòa giải.

Từ những nhận định trên có thể thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh B là có thực và thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần giải quyết cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hữu K, sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/9/2018. Nguyên vọng của chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 2 con chung. Xét thấy hiện tại chị T làm công nhân, có thu nhập, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, anh B vắng mặt, không thể hiện quan điểm về việc nuôi con khi Tòa án giải quyết ly hôn. Con chung Nguyễn Hữu K, sinh ngày 26/11/2011 đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng ở với chị T; con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/9/2018, hiện nay dưới 3 tuổi, cần giao cho chị T nuôi dưỡng. Do vậy cần thiết giao cả 2 con cho chị T nuôi là phù hợp các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đảm bảo được quyền của con chung khi cha mẹ ly hôn.

[4.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cho 01 con chung là 1.000.000đ/tháng. Theo lời khai của bà Phan Thị L, hiện nay anh B làm nghề thợ xây, mức thu nhập khoảng từ 7 đến 8 triệu/tháng. Do anh B có thu nhập nên cần thiết buộc anh B cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, mức cấp dưỡng chị Thẩm đề nghị là phù hợp, cần chấp nhận.

[6]. Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

[7]. Án phí: Chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh B phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273, Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 51,56,81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Luân Thị T với anh Nguyễn Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Luân Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Hữu K, sinh ngày 26/11/2011 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/9/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hữu K, sinh ngày 26/11/2011 là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng), cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có

4. Về án phí: Chị Luân Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai số 0004315 ngày 02/5/2019. Anh B phải chịu 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh B. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạc Thị Hồng